TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P,** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 138/2022/DS-ST

Ngày: 11 – 7 – 2022

V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Tám

2. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng

- Thư ký phiên toà: ông Nguyễn Ngọc Soan là Thư ký Toà án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang.

Ngày 11 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2022/QĐST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng S.

Địa chỉ trụ sở: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền của nguyên đơn*: ông Th; chức vụ: Phó Phòng giao dịch C– chi nhánh An Giang *(có mặt).*

Số điện thoại: 0976.517.678;

2. Bị đơn: anh Đ, sinh năm 1991 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: tổ 06, ấp Ph xã L, huyện P, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 6 năm 2021, nguyên đơn là Ngân hàng S và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Th trình bày:

Theo Hợp đồng cho vay kiêm Giấy nhận nợ số LD2009400440 ngày 03/4/2020 giữa Ngân hàng S – chi nhánh An Giang – Phòng giao dịch C và anh Đ, phía Ngân hàng có cho anh Đ vay vốn với số tiền là 30.000.000 đồng, lãi suất 18%/ năm, cho vay tiêu dùng tín chấp nên không áp dụng biện pháp bảo đảm, thời hạn vay 36 tháng, trả tiền vốn gốc và tiền lãi được chia thành 36 kỳ, mỗi kỳ là một tháng trả vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả đầu tiên vào ngày 15/5/2020, số tiền trả mỗi kỳ là 1.283.000đ, trả kỳ cuối 1.295.000đ.. Sau khi vay anh Đ trả vốn 1.666.000đ và lãi 1.082.089đ, anh Đ còn thiếu tiền vốn 28.334.000đ, tiền lãi 7.736.988đ.

Ngoài ra, anh Đ còn vay thẻ tín dụng, theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 09/9/2019 giữa Ngân hàng S – chi nhánh An Giang - Phòng giao dịch Cvà anh Đ, phía Ngân hàng có cho anh Đvay vốn với số tiền là 30.000.000đ (hạn mức cho vay tối đa 40.000.000đ) để tiêu dùng, mức lãi 19,2%/năm = 1,6%/tháng. Sau khi vay anh Đtrả vốn được 440.068đ, tiền vốn còn lại 29.559.932đ, tiền lãi 14.141.471đ.

Từ ngày 18 tháng 6 năm 2020 đến nay anh Đ ngưng trả hai khoản nợ nêu trên, nhiều lần Ngân hàng liên hệ làm việc để thông báo nợ nhưng không có kết quả. Mặc dù theo Hợp đồng chưa đến hạn trả nợ nhưng ông Đ đã vi phạm khoản 4.4 Điều 4 của Hợp đồng; đối với Thẻ tín dụng nếu anh Đ không trả, Ngân hàng sẽ thông báo thu nợ mức tối thiểu (từ 5% đến 7% dư nợ) và trong thời hạn 90 ngày mà anh Đvẫn không trả thì Ngân hàng sẽ khóa Thẻ và yêu cầu anh Đtrả toàn bộ số nợ. Do đó, Ngân hàng khởi kiện để thu hồi nợ trước hạn.

Tại phiên tòa ông Th xin rút một phần yêu cầu khởi kiện số tiền 6.646.492đ là tiền lãi của Thẻ tín dụng, do tính nhầm mức lãi suất. Tiền lãi Thẻ tín dụng còn lại là 7.494.979đ (14.141.471đ – 6.646.492đ).

Nay, Ngân hàng yêu cầu anh Đ trả tổng cộng 73.125.900đ, trong đó Hợp đồng tiền vốn 28.334.000đ, tiền lãi 7.736.988đ; Thẻ tín dụng tiền vốn 29.559.932đ, lãi 7.494.979đ, số tiền lãi của hai khoản vay trên tạm tính đến ngày viết đơn khởi kiện 18/6/2021. Tiếp tục tính tiền lãi phát sinh từ ngày 19/6/2021 đến khi thanh toán đủ tiền gốc theo Hợp đồng cho vay kiêm Giấy nhận nợ số LD2009400440 ngày 03/4/2020 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 09/9/2019.

- Bị đơn là anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không có lời khai và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu anh Đ trả tiền vay, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không có người đại diện và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

[1.3] Ông Thành rút một phần yêu cầu khởi kiện số tiền 6.646.492đ là tiền lãi của Thẻ tín dụng. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần đối với yêu cầu của Ngân hàng số tiền 6.646.492đ là tiền lãi của Thẻ tín dụng; sau này nguyên đơn được quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật. Ngân hàng không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn khởi kiện yêu cầu anh Đ trả tổng cộng 73.125.900đ, trong đó Hợp đồng tiền vốn 28.334.000đ, tiền lãi 7.736.988đ; Thẻ tín dụng tiền vốn 29.559.932đ, lãi 7.494.979đ, tiền lãi tạm tính đến ngày 18/6/2021; tiếp tục tính tiền lãi phát sinh từ ngày 19/6/2021 đến khi thanh toán đủ tiền gốc theo Hợp đồng cho vay kiêm Giấy nhận nợ số LD2009400440 ngày 03/4/2020 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày 09/9/2019. Hội đồng xét xử thấy rằng tại phiên tòa bị đơn vắng mặt và không có ý kiến bằng văn bản phản đối yêu cầu trên của nguyên đơn. Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định *" Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Như vậy, anh Đ đã vay tiền của Ngân hàng và hiện nay còn nợ số tiền trên là có thật.

[2.2] Khi vay thỏa thuận hình thức thanh toán là trả gốc và lãi hàng tháng, nếu vi phạm bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng thu hồi nợ trước hạn. Anh Đ đã ngưng trả nợ từ tháng 6 năm 2020, đã vi phạm hợp đồng

tại khoản 4.4 Điều 4, mặc dù chưa đến hạn trả nợ nhưng Ngân hàng yêu cầu anh Đt rả nợ trước hạn là có căn cứ. Việc không trả tiền vay cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu anh Đ trả số tiền 73.125.900đ, tiếp tục tính tiền lãi phát sinh từ ngày 19/6/2021 đến khi thanh toán đủ tiền gốc là có căn cứ.

[2.3] Từ những phân tích trên, căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự, khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc anh Đ có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng S tổng cộng 73.125.900đ, trong đó Hợp đồng tiền vốn 28.334.000đ, tiền lãi 7.736.988đ; Thẻ tín dụng tiền vốn 29.559.932đ, lãi 7.494.979đ, tiền lãi của hai khoản vay trên tạm tính đến ngày 18/6/2021. Tiếp tục tính tiền lãi phát sinh từ ngày 19/6/2021 đến khi thanh toán đủ tiền gốc theo Hợp đồng cho vay kiêm Giấy nhận nợ số LD2009400440 ngày 03/4/2020 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày 09/9/2019.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ, bị đơn là anh Đphải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S và người đại diện hợp pháp của Ngân hàng là ông Th. Buộc anh Đ phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng S tổng cộng 73.125.900đ, trong đó Hợp đồng cho vay tiền vốn 28.334.000đ, tiền lãi 7.736.988đ; Thẻ tín dụng tiền vốn 29.559.932đ, lãi 7.494.979đ, tiền lãi của hai khoản vay trên tạm tính đến ngày 18/6/2021.

Tiếp tục tính tiền lãi phát sinh từ ngày 19/6/2021 đến khi thanh toán đủ tiền gốc theo Hợp đồng cho vay kiêm Giấy nhận nợ số LD2009400440 ngày 03/4/2020 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày 09/9/2019.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S số tiền 6.646.492đ là tiền lãi Thẻ tín dụng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Anh Đ phải chịu 3.656.000 đồng.

+ Hoàn trả 2.719.000đ tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng S (do ông Th đại diện nhận) theo biên lai thu tiền số 0004412 ngày 28/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh An Giang.

3. Ngân hàng S có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Đ vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS H. P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Kim Phương